VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 6461 /VPCP-QHĐP V/v thực hiện Nghị quyết về hoạt động chất vấn của Quốc hội	*Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2018*

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai Nghị quyết số 63/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 của Quốc hội.

2. Các Bộ: Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo tập trung thực hiện các cam kết tại phiên chất vấn của kỳ họp, thực hiện các nội dung nêu tại Nghị quyết số 63/2018/QH14 của Quốc hội.

3. Các Bộ có tên tại Mục 2 Công văn này và các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ liên quan báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV.

Báo cáo kết quả thực hiện (Đề cương 1) gửi Văn phòng Chính phủ trước ngày **20 tháng 9 năm 2018** để tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Chính phủ; Báo cáo chi tiết (Đề cương 2) gửi Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội trước ngày **15 tháng 10 năm 2018** (bản điện tử file doc. của báo cáo gửi đến địa chỉ email: caonhatquang@chinhphu.vn và giamsat@qh.gov.vn).

(Nghị quyết số 63/2018/QH14 sao gửi kèm theo)

Văn phòng Chính phủ thông báo để các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTgCP, các PTTgCP;
- VPCP: BTCN, các PCN; Trợ lý, Thư ký TTg và các PTTg; các Cục, Vụ: KSTT, CN, ĐMDN, KGVX, KTTH, NC, NN, PL, QHQT, TCCV, TH, TKBT, V.I, TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, QHĐP (3b).NQ 95

KT.BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM

Nguyễn Văn Tùng

ĐỀ CƯƠNG 1

(Kèm theo Công văn số 6461 /VPCP-QHĐP ngày 09 tháng 7 năm 2018)

BỘ XXX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: XY/BC-ABC

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Về việc thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ.

Bộ báo cáo lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Báo cáo nêu đánh giá kết quả việc thực hiện các yêu cầu của Quốc hội tại Nghị quyết 63 theo thứ tự như Đề cương cho mỗi lĩnh vực ngành, khái quát kết quả từ góc độ thẩm quyền Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Lĩnh vực giao thông vận tải

I. Về kết cấu hạ tầng giao thông:

1. Thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, quy hoạch giao thông.

2. Hoạt động vận tải đường sắt; phương án đầu tư phát triển vận tải đường sắt; trình Quốc hội phương án đầu tư hệ thống đường sắt tốc độ cao tuyến Bắc - Nam vào năm 2019.

3. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông.

4. Kết nối giữa các loại hình vận tải, giữa các trung tâm kinh tế lớn, giữa các vùng.

II. Công trình giao thông:

1. Tiến độ, chất lượng, hiệu quả, an toàn trong việc hoàn thành các công trình giao thông trọng.

2. Trách nhiệm và hình thức xử lý đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc kéo dài tiến độ, tăng vốn dự án.

III. Trật tự, an toàn giao thông:

1. Việc thực hiện giải pháp, biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2. Xử lý điểm đen về an toàn giao thông, các điểm giao cắt đường sắt với đường bộ, an toàn vận tải đường sắt.

3. Trật tự giao thông đô thị, giải pháp xử lý tình trạng ùn tắc tại các thành phố lớn, tuyến đường trọng điểm, huyết mạch.

4. Công tác kiểm tra, kiểm soát phương tiện giao thông, chấp hành pháp luật về giao thông, hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, công tác đăng kiểm, đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép điều khiển phương tiện.

5. Công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật giao thông; xây dựng đề án cụ thể về văn hóa tham gia giao thông; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông.

IV. Đầu tư và khai thác công trình giao thông:

1. Thực hiện Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng BOT.

2. Hoàn thiện pháp luật về đầu tư dự án kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT đặt trong tổng thể hoàn thiện pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

3. Rà soát hệ thống trạm thu phí BOT giao thông, xử lý tồn tại, bất cập, vướng mắc, bảo đảm hài hòa lợi ích của người dân, Nhà nước và nhà đầu tư.

4. Kết nối hệ thống thông tin, dữ liệu về thu phí; từ năm 2019, thực hiện thu phí tự động không dừng tại tất cả các trạm thu phí BOT giao thông; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; xử lý vi phạm trong lĩnh vực này.

Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

I. Quản lý đất đai:

1. Tình hình thực thi pháp luật về đất đai.

2. Công tác kiểm tra, giám sát, quản lý về đất đai trên phạm vi cả nước, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất dùng cho mục đích công cộng, đất tại các nông, lâm trường, dự án BT, BOT; xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, gây bức xúc trong Nhân dân; xử lý, thu hồi theo quy định của pháp luật đất để hoang hóa, lãng phí, chậm đưa vào sử dụng; việc sử dụng, quản lý đất ven sông, ven biển.

3. Thực hiện giải pháp hạn chế tình trạng đầu cơ đất đai, gây tác động tiêu cực tới thị trường bất động sản, khu vực có quy hoạch dự án trọng điểm.

4. Cải cách thủ tục hành chính trong quản lý đất đai, xây dựng và ứng dụng cơ sở dữ liệu đất đai.

5. Phương pháp xác định giá đất; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài liên quan đến đất đai.

II. Môi trường:

1. Chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Chương trình quan trắc và cảnh báo môi trường tại các thành phố lớn, vùng kinh tế trọng điểm, khu tập trung nhiều nguồn thải và khu vực nhạy cảm về môi trường.

3. Quy hoạch xử lý rác thải; mô hình mẫu về xử lý rác thải; phân loại rác tại nguồn.

4. Hoạt động xả thải; xử lý tình trạng xả thải gây ô nhiễm môi trường nước tại các lưu vực sông, suối, tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp ven sông, ven biển.

5. Quản lý tài nguyên nước theo pháp luật.

6. Đánh giá tác động môi trường, tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường trong thực hiện các dự án, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, nhập khẩu phế liệu.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, thanh tra đột xuất và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; hướng dẫn việc giải quyết bồi thường chi phí bảo vệ môi trường theo nguyên tắc thị trường.

III. Biến đổi khí hậu:

1. Thực hiện các công ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu; hoàn thiện chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu.

2. Năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Thực hiện Nghị quyết 853/NQ-UBTVQH13 ngày 05/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích đầu tư vào các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát sử dụng nguồn lực cho hoạt động ứng phóB với biến đổi khí hậu.

6. Bố trí và sử dụng kinh phí triển khai dự án cấp thiết, các dự án chống sạt lở bờ biển, bờ sông. Năm 2018, khắc phục các điểm sạt lở bờ biển, bờ sông đặc biệt nguy hiểm. Quản lý, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, suối trái pháp luật.

<u>Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội</u>

I. Lao động, việc làm:

1. Chính sách, pháp luật về lao động, giáo dục nghề nghiệp, việc làm trong nước và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Thị trường lao động, gắn với cung, cầu lao động và bối cảnh nền

công nghiệp 4.0. Công tác dự báo thị trường lao động; giải quyết việc làm cho sinh viên, thanh niên nông thôn; chính sách khuyến khích thanh niên, sinh viên khởi nghiệp sáng tạo.

3. Giải pháp xây dựng quan hệ lao động trong doanh nghiệp.

II. Giáo dục nghề nghiệp:

1. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân bố giữa các vùng, miền, ngành nghề, trình độ đào tạo.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; tình trạng mất cân đối trong cơ cấu đào tạo chung. Gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, thị trường lao động; hình thức dạy nghề theo hợp đồng đặt hàng; chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

3. Chất lượng, kỹ năng thực hành, chương trình, giáo trình đào tạo, điều kiện giáo dục nghề nghiệp, hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

III. Lao động Việt Nam ở nước ngoài:

1. Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển thị trường bền vững đối với hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Cải cách thủ tục hành chính; công khai, minh bạch việc cấp phép đối với doanh nghiệp đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài.

3. Kiểm định chất lượng, việc đánh giá chất lượng đào tạo nghề, ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

4. Quản lý và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động Việt Nam ở nước ngoài; tình hình và giải pháp quản lý người dân vùng biên giới đi làm việc tự do không có hợp đồng lao động.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

IV. Quyền về trẻ em:

1. Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, quyền về trẻ em.

2. Công tác tuyên truyền, giáo dục gia đình, cộng đồng và trẻ em về kiến thức, kỹ năng cần thiết để bảo vệ, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em.

3. Trách nhiệm của cơ quan hữu quan trong việc ngăn ngừa, phát hiện, xử lý tin báo, tố giác, điều tra, truy tố, xét xử các vụ xâm hại trẻ em; quy trình nghiệp vụ đặc thù trong điều tra, truy tố, xét xử các hành vi xâm hại trẻ em.

4. Xây dựng đề án huy động nguồn lực xã hội để hỗ trợ, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, trẻ em vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

5. Công tác phối hợp liên ngành về thực hiện quyền trẻ em, vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Quốc gia về trẻ em.

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

I. Chính sách pháp luật về giáo dục và đào tạo:

1. Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo.

2. Chính sách đối với các đối tượng ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

3. Sửa đổi, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết các luật về giáo dục và giáo dục đại học.

II. Giáo dục đại học:

1. Hoàn thành đề án cụ thể về quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên.

2. Ctrình đào tạo đại học theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

3. Kiểm định chất lượng giáo dục; giải thể các cơ sở đào tạo đại học chất lượng yếu, kém.

4. Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo chất lượng cao; thúc đẩy phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo ngang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao.

5. Quy định về tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ chế học phí.

6. Hoàn thiện và ổn định kỳ thi trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng.

7. Chính sách thu hút học sinh giỏi vào học ngành sư phạm.

8. Quy trình, thủ tục và công khai việc công nhận văn bằng, học vị, chức danh giảng viên đại học.

III. Chương trình và sách giáo khoa:

1. Thực hiện chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết của Quốc hội.

2. Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Xã hội hóa, tạo điều kiện việc hình thành các trường tư thục chất lượng cao.

4. Giải pháp về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

5. Triển khai đề án về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đề án

dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025.

IV. Giáo dục mầm non:

1. Hướng dẫn nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ em tại gia đình và các nhóm trẻ độc lập, tư thục.

2. Công tác dự báo, quy hoạch, phát triển trường mầm non, tại các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, khu vực đông dân cư.

3. Xã hội hóa giáo dục mầm non; quản lý việc cấp phép, tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động và hoạt động đối với giáo dục mầm non.

V. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục:

1. Tiêu chuẩn nghề nghiệp đối với đội ngũ giáo viên theo bậc học, cấp học; quản lý, sắp xếp, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo tiêu chuẩn nghề nghiệp.

2. Công tác quản lý biên chế, tuyển dụng giáo viên.

3. Tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện nền nếp, kỷ cương trường học, công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, rèn luyện thể chất cho học sinh; tăng cường an ninh, an toàn trong trường học; trong năm 2018, ban hành đề án về văn hoá ứng xử trong trường học.

VI. Thanh tra, kiểm tra hoạt động giáo dục:

1. Thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

2. Chấn chỉnh hoạt động liên kết đào tạo, tình trạng vi phạm pháp luật về văn bằng, chứng chỉ, việc xác nhận đủ điều kiện để thi tốt nghiệp phổ thông và đại học, việc cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung mới, việc công nhận cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc gia.

3. Xử lý các hành vi vi phạm đạo đức của cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, phụ huynh học sinh, học sinh, sinh viên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
.....

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn X

ĐỀ CƯƠNG 2

(Kèm theo Công văn số 6461/VPCP-QHĐP ngày 03 tháng 7 năm 2018)

BỘ XXX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: XY/BC-ABC

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Về việc thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV

Kính gửi:
- Quốc hội;
- Các vị đại biểu Quốc hội.

A. THÔNG TIN CHUNG

Nội dung liên quan trách nhiệm báo cáo tại các Nghị quyết của Quốc hội; nhiệm vụ do Chính phủ giao.

Kết quả tổng thể công tác tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, thuận lợi, khó khăn, đánh giá khái quát.

B. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 63/2018/QH14 VỀ HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 5, QUỐC HỘI KHÓA XIV

I. *Tên nhóm nhiệm vụ*

1. Tình hình triển khai thực hiện

- Các biện pháp, giải pháp đã thực hiện;

- Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện;

- Kết quả đạt được:

+ Với nội dung định tính: đánh giá sự chuyển biến đối; với nội dung định lượng: nêu số liệu, dẫn chứng;

+ Về chỉ tiêu, mục tiêu: đánh giá kết quả thực hiện thực tế so với thời điểm trước khi ban hành;

+ Về hoàn thiện thể chế, chính sách, ban hành văn bản: đánh giá kết quả thực hiện thực tế so với thời điểm trước khi ban hành;

2. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.

3. Trách nhiệm của tổ chức, đơn vị, người đứng đầu.

4. Phương hướng, giải pháp, cam kết thực hiện trong thời gian tới với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết.

II. *Tên nhóm nhiệm vụ*

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
.....

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn X